TOÀ ÁN NH DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày 09-07-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Hà.

Các Hội thẩm nH dân: Ông Nguyễn Sự và ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 25 tháng 06 và từ ngày 04 đến ngày 09 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 50/2014/TLST – KDTM ngày 01 tháng 08 năm 2014 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST – KDTM ngày 25 tháng 05 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-KDTM ngày 25/05/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2018/QĐST-KDTM ngày 25/06/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 18, Tr, M, T, H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đức C– Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Y, B.

Người được uỷ quyền lại: Bà Trịnh Thị L– Phó giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Y, B (Có mặt).

2. Bị đơn: Chủ doanh nghiệp tư nhân – Giám đốc Xí nghiệp giấy Th: Ông Dương Tiến Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: D, P, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện uỷ quyền của bị đơn: Ông Dương Ngọc H, sinh năm 1962; Địa chỉ: D, P, thành phố B, tỉnh B (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th- Luật sư văn phòng luật sư Thành Đạt, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Số 325, tổ 1, phường Mỹ độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Ngọc H, sinh năm 1962; Bà Ngô Thị B, sinh năm 1962; Bà Dương Thi Kim T, sinh năm 1984; Bà Dương Thuý H, sinh năm 1987; Bà Dương Thị Thu Th, sinh năm 1989; Ông Dương Tiến Th, sinh năm 1983; Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: D, P, thành phố B, tỉnh B.

Bà Dương Thị Kim Ch, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Đ, D, H, H.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Ngô Thị B, ông Dương Tiến Th, bà Dương Thi Kim T, bà Dương Thuý H, bà Nguyễn Thị H, bà Dương Thị Thu Th, bà Dương Thị Kim Ch: ông Dương Ngọc H, sinh năm 1962 (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Ngọc H, bà Ngô Thị B, bà Dương Thi Kim T, bà Dương Thuý H, ông Dương Tiến Th, bà Nguyễn Thị H, bà Dương Thị Thu Th, bà Dương Thị Kim Ch: Ông Nguyễn Văn Th- Luật sư văn phòng luật sư Thành Đạt, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Số 325, tổ 1, phường Mỹ độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Y (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Chủ doanh nghiệp tư nhân là ông Dương Tiến Th - Giám đốc Xí nghiệp giấy Th (sau đây gọi tắt là Chủ doanh nghiệp) có ký Hợp đồng tín dụng (sau đây gọi tắt là HĐTD) về việc Ngân hàng cho Chủ doanh nghiệp vay vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh, cụ thể:

HĐTD thứ nhất: Ngày 10/10/2007, Ngân hàng và Chủ doanh nghiệp đã ký Hợp đồng tín dụng số: 71524036/HĐTD. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng đồng ý cho Chủ doanh nghiệp vay mức dư nợ cao nhất số tiền 1.500.000.000đ.

- Lãi suất ghi nhận theo giấy nhận nợ.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 15/10/2007 và được gia hạn thêm 24 tháng. Có lịch trả nợ phân kỳ gốc kèm theo phụ lục hợp đồng.

- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư dây chuyền sản xuất giấy.

- Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

- Ngân hàng đã giải ngân cho Chủ doanh nghiệp 1.500.000.000đ. Chủ doanh nghiệp đã trả được một phần tiền nợ gốc và nợ lãi. Tính đến ngày 22/06/2018 còn nợ: 395.000.000 đồng nợ gốc và 223.035.577đ tiền lãi trong hạn.

HĐTD thứ hai: Ngày 21/03/2012, Ngân hàng và Chủ doanh nghiệp đã ký Hợp đồng tín dụng số: 2604LAV2009000496/HĐTD. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng đồng ý cho Chủ doanh nghiệp vay mức dư nợ cao nhất số tiền 3.600.000.000đ.

- Lãi suất ghi nhận theo giấy nhận nợ.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng.

- Mục đích sử dụng tiền vay: mua nguyên liệu sản xuất giấy.

- Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

- Ngân hàng đã giải ngân cho Chủ doanh nghiệp 3.600.000.000 đồng. Chủ doanh nghiệp đã trả được một phần tiền nợ lãi. Tính đến ngày 22/06/2018 còn nợ: 3.600.000.000 đồng nợ gốc và 1.692.881.400đ tiền lãi trong hạn.

Ngân hàng căn cứ QĐ 1627 ngày 31/12/2001 quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; QĐ 666/QĐ -HĐQT TDH0 ngày 15/6/2010 của Ngân hàng N thẩm định theo 5 điều kiện quy định cho vay của Ngân hàng N; thẩm định tài sản theo QĐ 1300/QĐ-HĐQT-TDH0 ngày 3/12/2002 của Ngân hàng N VN quy định về định giá tài sản thế chấp, cầm cố; căn cứ vào các văn bản của NHNo tỉnh B v/v thông báo về mức phán quyết cho vay đối với khách hàng; Kiểm tra thông tin của DN tại Trung tâm thông tin tín dụng CIC, trong 05 năm Xí nghiệp giấy Th không có nợ xấu ở bất kỳ tổ chức tín dụng nào, hoạt động tốt nên khi Chủ doanh nghiệp có đề nghị vay ốn, Ngân hàng tiếp tục ký HĐTD cho DN vay. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan viện dẫn Quyết định số 20/VBHN-N ngày 22/5/2014 không đúng thời điểm hai bên ký HĐTD là năm 2007 và 2012 để làm căn cứ hủy bỏ HĐTD là không đúng.

Các khoản vay nêu trên được bảo đảm bằng tài sản tại các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba (sau đây gọi tắt là HĐTCTS), cụ thể:

HĐTCTS thứ nhất: HĐ số R207953 ngày 03/03/2010 giữa Ngân hàng, hộ ông Dương Ngọc H và Chủ doanh nghiệp. Tài sản là thửa đất số 429; tờ bản đồ 24; diện tích 175 m^2; địa chỉ: D, P; Giấy CNQSD đất số R 207953, do UBND huyện Yên Phong cấp cho hộ ông Dương Ngọc H ngày 15/12/2000 và Tài sản gắn liền trên đất: Nhà ở 02 tầng diện tích 100m^2, nhà cấp bốn, diện tích 40m^2;

HĐTCTS thứ hai: HĐ số AH250901 ngày 03/03/2010 giữa Ngân hàng, vợ chồng ông Dương Ngọc H, bà Ngô Thị B và Chủ doanh nghiệp. Tài sản là thửa đất số 571; tờ bản đồ 24; diện tích 522 m^2; địa chỉ: D, P; Giấy CNQSD đất số AH 250901, do UBND huyện Yên Phong cấp cho ông Dương Ngọc H và bà Ngô Thị B ngày 12/12/2006;

Các HĐTCTS nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Vì Chủ doanh nghiệp vi phạm thời hạn thanh toán tiền vay, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng không có kết quả. Do vậy Ngân hàng khởi kiện Chủ doanh nghiệp phải thanh toán nợ gốc và lãi mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các Phụ lục hợp đồng và Giấy nhận nợ kèm theo. Tính đến ngày 22/06/2018, Chủ doanh nghiệp còn nợ Ngân hàng 5.910.916.957đ, trong đó: Nợ gốc: 3.995.000.000đ và nợ lãi trong hạn: 1.915.916.957đ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Chủ doanh nghiệp phải thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 22/06/2018 là 5.910.916.957đ và tiền lãi phát trong hạn sinh theo thỏa thuận tính đến ngày thanh toán hết nợ gốc. Nếu Chủ doanh nghiệp không thanh toán trả tiền thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản của bên thứ ba đã thế chấp tại Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Theo tinh thần Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội và hướng dẫn của Ngân hàng không tính lãi quá hạn đối với Chủ doanh nghiệp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Chủ doanh nghiệp xác nhận có ký các HDTD và vay nợ số tiền nợ gốc 3.995.000.000đ và nợ lãi Ngân hàng như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Chủ doanh nghiệp xác định có trách nhiệm trả nợ nhưng vì điều kiện sản xuất, kinh doanh của Xí nghiệp gặp khó khăn nên không có khả năng thanh toán.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần phù hợp với điều kiện của bị đơn như đã trình bày trước đây, cụ thể, sau khi hai bên thống nhất hòa giải, tháng đầu bị đơn trả 100.000.000đ, từ tháng thứ hai mỗi tháng trả 40.000.000đ cho đến khi trả hết nợ; Tiền trả trừ vào nợ gốc, hết nợ gốc trừ vào nợ lãi. Bị đơn không có khả năng trả hơn, đề nghị nguyên đơn chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đề nghị nguyên đơn chấp nhận phương án trả nợ dần của bị đơn. Trường hợp nguyên đơn và bị đơn không hòa giải được về phương án trả nợ, đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án với hai lý do:

1. Chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Bắc Ninh để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trương Anh D - nguyên Giám đốc và bà Trịnh Thị L– Phó giám đốc N&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Y về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Chờ kết quả giải quyết của UBND huyện Yên Phong đối với đơn khiếu nại của ông H v/v thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 430, tờ bản đồ 24, diện tích 18,3m^2 cấp cho hộ ông Dương Khánh L ngày 29/07/2004.

Nếu không chấp nhận yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án thì đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu các HĐTD, HĐTCTS mà bên nguyên đơn cung cấp cho Tòa án làm căn cứ khởi kiện vụ án bởi các lý do và căn cứ sau đây:

- Đối với các HĐTD: Khi ký HĐTD bên nguyên đơn đã vi phạm các Điều 94, 95, 96 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; vi phạm Điều 21 Quyết định số 20/VBHN-N ngày 22/05/2014 v/v ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; vi phạm 05 điều kiện, thủ tục cho vay vốn của N&PTNT Việt nam đăng trên báo điện tử Đảng Cộng Sản. Vi phạm cụ thể: HĐTD ký năm 2007 chưa trả hết, còn nợ 400.000.000đ gốc lại ký tiếp HĐTD năm 2012 cho vay 3.600.000.000đ và giải ngân một cách ồ ạt, vô căn cứ, không kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Chủ doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp không sử dụng vốn vay đúng mục đích dẫn đến không còn khả năng trả nợ.

- Đối với các HĐTCTS: vi phạm cả nội dung và hình thức, cụ thể: theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 thì không quy định loại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba, do vậy HĐTCTS vi phạm về hình thức. Về nội dung vợ chồng ông H bà Blà người có tài sản thế chấp mà không được nhận tiền, Ngân hàng lại giao tiền cho Chủ doanh nghiệp vi phạm Điều 718 Bộ luật dân sự 2005. Mặt khác, qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 429, tờ bản đồ 24, diện tích 175 m^2 cấp cho hộ ông Dương Ngọc H bị thiếu gần 15m^2. Ông H cho rằng thửa đất số 430, tờ bản đồ 24, diện tích 18,3 m^2 cấp cho hộ anh Dương Khánh L là phần diện tích đất thiếu hụt của hộ ông H. Vì vậy cần đề nghị UBND huyện Yên Phong hủy bỏ giấy CNQSD đất của hộ ông Dương Khánh L, trả lại đất cho hộ ông Dương Ngọc H. Khi ký HĐTCTS, Ngân hàng không thẩm định tài sản, Tòa án chưa làm rõ lý lý do thiếu hụt đất của hộ ông H đã đưa vụ án ra xét xử là vi phạm pháp luật. Do vậy chủ sử dụng tài sản không đồng ý phát mại tài sản thế chấp.

Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác đã đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 323; 342; 343; 348; 351; 355; 471; 474;476; 478; 715; 716; 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tiền vay nợ chưa thanh toán. Nếu bị đơn không trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản của bên thứ ba trong HĐTCTS.

2. Không chấp nhận đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án của người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền và nghĩa vụ liên quan vì các lý do nêu tại phiên tòa là không có căn cứ pháp luật;

3. Không chấp nhận đề nghị tuyên bố vô hiệu HĐTD và HĐTCTS của người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền và nghĩa vụ liên quan vì không có căn cứ pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện Y, tỉnh B và Chủ doanh nghiệp tư nhân – Giám đốc Xí nghiệp giấy Th; địa chỉ: Phường P, thành phố B, tỉnh B nhằm mục đích lợi nhuận và phát sinh tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và theo thỏa thuận của các bên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh theo quy định tại các Điều 30; 35 & 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về pháp luật áp dụng: Căn cứ điểm c Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, đây là giao dịch đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, các quy định của luật chuyên ngành tại thời điểm ký kết, thực hiện Hợp đồng để giải quyết.

3. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét các HĐTD số 71524036/HĐTD ngày 10/10/2007 và HĐTD số: 2604LAV2009000496/HĐTD ngày 21/03/2012 ký kết giữa Ngân hàng N, chi nhánh

huyện Y và Giám đốc Xí nghiệp giấy Th thì thấy các HĐTD do các bên ký kết đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số R207953 ngày 03/03/2010 giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện Y với Giám đốc Xí nghiệp giấy Th và hộ ông Dương Ngọc H, tài sản là thửa đất số 429; tờ bản đồ 24; diện tích 175 m^2; địa chỉ: D, P; Giấy CNQSD đất số R 207953, do UBND huyện Yên Phong cấp cho hộ ông Dương Ngọc H ngày 15/12/2000 và Tài sản gắn liền trên đất: Nhà ở 02 tầng diện tích 100m^2, nhà cấp bốn, diện tích 40m^2; và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số AH250901 ngày 03/03/2010 giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện Y với Giám đốc Xí nghiệp giấy Th và vợ chồng ông Dương Ngọc H, bà Ngô Thị B, tài sản là thửa đất số 571; tờ bản đồ 24; diện tích 522 m^2; địa chỉ: D, P; Giấy CNQSD đất số AH 250901, do UBND huyện Yên Phong cấp cho ông Dương Ngọc H và bà Ngô Thị B ngày 12/12/2006 thì thấy: Các HĐTCTS do các bên ký kết đã được chứng thực tại văn phòng Công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Bắc Ninh chứng nhận việc thế chấp theo đúng quy định tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số số 429; tờ bản đồ 24; diện tích 175 m^2; địa chỉ: D, P; Giấy CNQSD đất số R 207953, do UBND huyện Yên Phong cấp cho hộ ông Dương Ngọc H ngày 15/12/2000, kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng thửa đất thể hiện: diện tích theo hiện trạng của thửa đất là 160,6m^2, có chênh lệch diện tích là 14,4m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và được thế chấp tại Ngân hàng. Ông Dương Ngọc H cho rằng thửa đất liền kề số 430, tờ bản đồ 24, diện tích 18,3 m^2 là phần diện tích đất thiếu hụt của hộ ông H nhưng không có căn cứ bởi: qua điều tra xác định được thửa đất số 430, tờ bản đồ 24 cùng tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: D, P, thành phố B thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H, đã được cấp Giấy CNQSD đất, QSH nhà và tài sản khác gắn liền trên đất ngày 17/02/2011 (hộ anh Dương Khánh L được cấp Giấy CNQSD đất năm 2004; chuyển nhượng cho ông T bà H1 năm 2010; ông H có biết biết chuyển nhượng nhà đất giữa hai bên); Từ khi ký HĐTCTS cho đến nay hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H không thay đổi; bên nguyên đơn xác định thửa đất số 430, tờ bản đồ 24 cùng tài sản gắn liền trên đất không phải là tài sản mà hộ ông H thế chấp tại Ngân hàng, Ngân hàng không có yêu cầu gì về việc diện tích đất bị thiếu hụt và đồng ý diện tích đất thế chấp theo thực tế đo đạc do vậy không có căn cứ để xác định thửa đất số 430, tờ bản đồ 24 cùng tài sản gắn liền trên đất có liên quan đến các Hợp đồng thế chấp tài sản trong vụ án, Tòa án đã có văn bản số 88/2018/CV-TA ngày 20/04/2018 để trả lời ông H.

Theo trình bày của ông H bà B cũng như các con về nguồn gốc thửa đất số 429 là do bố mẹ ông H cho vợ chồng ông H bà B tài sản xây dựng trên thửa đất do vợ chồng ông H bà B xây dựng, khi xây dựng các con còn nhỏ sống phụ thuộc chưa có đóng góp.

Theo thỏa thuận của các bên trong HĐTD, HĐTCTS thì Ngân hàng giải ngân cho Chủ doanh nghiệp là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, các HĐTD và các HĐTCTS giữa các đương sự trong vụ án đã bảo đảm về hình thức hợp đồng đúng pháp luật và có nội dung là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, các bên tham gia ký hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã ký kết.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, thực hiện việc giải ngân cho Chủ doanh nghiệp. Tuy nhiên Chủ doanh nghiệp không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận theo hợp đồng mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc nhiều lần. Số nợ tính đến ngày 22/06/2018 là 5.910.916.957đ, trong đó: Nợ gốc: 3.995.000.000đ và nợ lãi trong hạn: 1.915.916.957đ. Vì Chủ doanh nghiệp vi phạm hợp đồng, thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp là có căn cứ chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 06/02/2018 các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Ngân hàng đã tạo điều kiện và đồng ý phương án trả nợ do bên bị đơn và người liên quan đề xuất nhưng sau đó bên bị đơn và người liên quan lại thay đổi nội dung thỏa thuận theo phương án giảm mức trả nợ mỗi lần do không có khả năng nhưng bên nguyên đơn không chấp thuận. Tại phiên tòa, bên bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan tiếp tục đề nghị được trả dần khoản nợ theo khả năng của bị đơn nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Từ khi khởi kiện đến nay bị đơn mới thanh toán được 5.000.000đ nợ gốc, bên nguyên đơn không chấp nhận phương án trả nợ của bị đơn nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bầy của bị đơn.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận, nên buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi trong hạn theo các HĐTD đã ký, không có căn cứ để chấp nhận các ý kiến, yêu cầu của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan về việc tuyên bố vô hiệu các HĐTD, HĐTCTS hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chuyển hồ sơ sanh Cơ quan cảnh sát điều tra.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên. Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tại các HĐTCTS để thu hồi nợ.

4. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, thẩm định lại tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30; 35; 39; 147; 157; 235; 264 và các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 323; 342; 348; 351; 355; 471; 474;476; 478; 715; 716; 721 và các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ quy định của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc Chủ doanh nghiệp tư nhân – Giám đốc Xí nghiệp giấy Th phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 22/06/2018 là 5.910.916.957đ, trong đó: Nợ gốc: 3.995.000.000đ và nợ lãi trong hạn: 1.915.916.957đ. Lãi suất được tiếp tục tính kể từ ngày 23/6/2018 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất trong hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến thi hành án xong.

Trường hợp Chủ doanh nghiệp tư nhân – Giám đốc Xí nghiệp giấy Th không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số R207953 ngày 03/03/2010 giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện Y với Giám đốc Xí nghiệp giấy Th và hộ ông Dương Ngọc H, và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số AH250901 ngày 03/03/2010 giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện Y với Giám đốc Xí nghiệp giấy Th và vợ chồng ông Dương Ngọc H, bà Ngô Thị B để thu hồi nợ.

Sau khi Chủ doanh nghiệp tư nhân – Giám đốc Xí nghiệp giấy Th thanh toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp tài sản của bên thứ ba đã thế chấp tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

- Chủ doanh nghiệp tư nhân – Giám đốc Xí nghiệp giấy Th phải chịu 113.916.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng N số tiền 56.465.000đ tiền tạm ứng phí án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/00458 ngày 01/08/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

- Ngân hàng N phải chịu 10.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định và thẩm định lại tại chỗ tài sản. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND Tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND TP Bắc Ninh;*
- *CCTHADS TP Bắc Ninh;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vương Thị Hà